

Số: 33/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 14 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;*

*Xét Tờ trình số 6105/TTr-UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc và hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp của tỉnh Quảng Trị năm 2018 như sau:

1. Biên chế hành chính: 1.895 chỉ tiêu.
2. Số người làm việc: 17.195 chỉ tiêu, trong đó:
  - Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.288 chỉ tiêu;
  - Sự nghiệp y tế: 2.980 chỉ tiêu;
  - Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 362 chỉ tiêu;
  - Sự nghiệp khác: 565 chỉ tiêu.
3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 267 chỉ tiêu.

4. Hợp đồng bảo vệ rừng: 42 chỉ tiêu.
5. Số người làm việc trả lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 1.550 chỉ tiêu.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Nhiệm vụ, giải pháp:

1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

Đến năm 2021 giảm ít nhất 10% biên chế được giao so với năm 2015. Lấy kết quả thực hiện tinh giản biên chế làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu của cơ quan, đơn vị. Không đề bạt, bổ nhiệm cán bộ là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phụ trách công tác tổ chức, nhân sự thực hiện không có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW tại cơ quan, đơn vị phụ trách. Kịp thời giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tiếp tục rà soát, cân đối biên chế hành chính, số người làm việc của tỉnh để điều chỉnh hợp lý giữa các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Hoàn thiện xây dựng vị trí việc làm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sau khi kiện toàn sắp xếp lại tổ chức. Tuyển dụng kịp thời đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu theo đúng quy định.

- Đối với cơ quan, tổ chức hành chính chấm dứt hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã sử dụng hết số biên chế sự nghiệp được giao, không hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ; các cơ quan, đơn vị không áp dụng ký hợp đồng lao động để thay cho việc tuyển dụng.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục sai sót trong sử dụng biên chế, số người làm việc, tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc tinh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, TAND, VKSND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND, VPUBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQ cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đài PT - TH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- Lưu: VT, HĐND-PC.  
H-PC....

g1b

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hùng**

**PHỤ LỤC**  
**CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC**  
**VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018)

TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế HC	Số người làm việc					HĐ68			Hợp đồng bảo vệ rừng	Hưởng lương từ nguồn thu SN
				Tổng	SNGD	SNYT	SN VH TT	SN khác	Tổng	HC	SN		
1	2	3=4+5+10	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14
<b>1</b>	<b>SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>7.075</b>	<b>1.034</b>	<b>5.823</b>	<b>2.200</b>	<b>2.935</b>	<b>212</b>	<b>476</b>	<b>218</b>	<b>114</b>	<b>104</b>	<b>42</b>	<b>1.393</b>
1	Sở Công Thương	109	85	10				10	14	12	2		
2	Sở GD và ĐT	2.006	47	1.955	1.955				4	2	2		24
3	Sở Giao thông VT	48	37	8				8	3	3			171
4	Sở Kế hoạch và ĐT	46	43						3	3			
5	Sở Khoa học và CN	62	33	26				26	3	3			33
6	Sở LĐ, TB và XH	173	40	111	36			75	22	3	19		26
7	Sở Nội vụ	73	57	7				7	9	6	3		
8	Sở NN & PTNT	526	261	234	38			196	31	24	7	42	138
9	Sở Ngoại vụ	24	22	0					2	2			
10	Sở Tư pháp	44	25	16				16	3	2	1		20
11	Sở Tài chính	47	45	0					2	2			
12	Sở Tài nguyên và MT	114	49	58				58	7	4	3		188
13	Sở Thông tin và TT	28	22	3				3	3	3			9
14	Sở Văn hóa, TT và DL	203	36	143			134	9	24	4	20		94
15	Sở Xây dựng	36	30	3				3	3	3			32
16	Sở Y tế	3.031	53	2935		2.935			43	5	38		505
17	Thanh tra tỉnh	31	28	0					3	3			
18	Văn phòng UBND tỉnh	72	44	14				14	14	14			36
19	Văn phòng HĐND tỉnh	32	25	0					7	7			
20	Ban Dân tộc	28	25	0					3	3			
21	BQL các khu KT	33	27	0					6	6			64
22	Trường Cao đẳng sư phạm	128		124	124				4		4		5
23	Trường Cao đẳng Y tế	47		47	47								
24	Đài PT-TH tỉnh	60		59			59		1		1		45
25	Tạp chí Cửa Việt	10		9			9		1		1		
26	Tổng đội TNXP	4		4				4					
27	TT Nghiên cứu PT&XTĐT (dự kiến thành lập 2018)	6		6				6					
28	Hội Chữ thập đỏ	14		13				13	1		1		
29	Hội Người mù	3		3				3					3

TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế HC	Số người làm việc					HĐ68			Hợp đồng bảo vệ rừng	Hưởng lương từ nguồn thu SN
				Tổng	SNGD	SNYT	SN VHTT	SN khác	Tổng	HC	SN		
1	2	3=4+5+10	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14
30	Hội Nhà báo	3		3			3						
31	Hội VHNT	7		7			7						
32	LH các Hội KHKT	6		5				5	1		1		
33	LH các TCHN	3		3				3					
34	LM HTX	18		17				17	1		1		
<b>II</b>	<b>HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>	<b>12.277</b>	<b>861</b>	<b>11.367</b>	<b>11.088</b>	<b>45</b>	<b>150</b>	<b>84</b>	<b>49</b>	<b>39</b>	<b>10</b>		<b>157</b>
1	Thành phố Đông Hà	1.165	110	1048	1015	5	19	9	7	7			34
2	Thị xã Quảng Trị	514	77	429	404	5	13	7	8	3	5		9
3	Huyện Vĩnh Linh	1.581	94	1481	1.454	5	13	9	6	4	2		18
4	Huyện Gio Linh	1.505	94	1408	1.382	5	13	8	3	2	1		11
5	Huyện Triệu Phong	1.688	95	1588	1.557	5	17	9	5	5			18
6	Huyện Hải Lăng	1.560	96	1459	1.434	4	13	8	5	4	1		
7	Huyện Cam Lộ	948	84	861	836	5	13	7	3	3			10
8	Huyện Đakrông	1.245	96	1144	1.107	5	24	8	5	5			7
9	Huyện Hướng Hoá	2.040	100	1.936	1.897	5	24	10	4	4			50
10	Huyện Đào Cồn Cỏ	31	15	13	2	1	1	9	3	2	1		
<b>II</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>	<b>5</b>		<b>5</b>				<b>5</b>					
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.357</b>	<b>1.895</b>	<b>17.195</b>	<b>13.288</b>	<b>2.980</b>	<b>362</b>	<b>565</b>	<b>267</b>	<b>153</b>	<b>114</b>	<b>42</b>	<b>1.550</b>